TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 69/2024/DS-ST Ngày 21/8/2024 V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện
2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên. (vắng mặt)

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-DS ngày 25/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (O)

Địa chỉ: D và 45 đường L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T1 - Giám đốc Phòng G.

Người dại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Hữu K, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Số C L, phường Đ, thành phố T, Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1989; Vắng mặt.

Chị Lê Thị H, sinh năm 1990; (*vợ anh M*), Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện T, Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn H1, sinh năm 1956; Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962; (*vợ ông H1*). Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện T, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Lê Hữu K trình bày:

Ngày 13/7/2023 chị Lê Thị H và anh Đỗ Văn M đã ký kết với Ngân hàng TMCP P hợp đồng tín dụng số ST23015973/2023/PBD/HĐTD, cụ thể: Ngân hàng TMCP P cho anh M, chị H vay số tiền 800.000.000 đ, mục đích vay: Tiêu dùng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất trong 03 tháng đầu là 11,3%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 800.000.000 đ theo khế ước nhận nợ số ST23015973/2023/PBD/KUNN ngày 14/7/2023, theo đó hai bên ký kết nội dung, hình thức giải ngân số tiền như sau: Số tiền 800.000.000 đ được chuyển vào tài khoản thụ hưởng số 0145100006198908 thuộc Ngân hàng O, phòng G, chị nhánh Thanh Hóa, chủ tài khoản là chị Mai Thị H2 (chị dâu anh M), với nội dung chuyển tiền: Thanh toán tiền mua hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 32, GCNQSDĐ số CE 912555, vào sổ cấp GCN số CH 01248 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/12/2016, thuộc quyền sở hữu của ông Đỗ Văn H1 và bà Nguyễn Thị Đ, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST23015973/2023/PBD/HĐTC ngày 13/7/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 12/11/2023 chị H và anh M đã bắt đầu vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 12/11/2023, anh M chị H mới trả được 20.001.004 đ tiền gốc và 21.794.025 đ tiền lãi. Số tiền gốc còn nợ lại là 779.998.996 đ và tiền lãi còn nợ là 14.583.195 đ.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ, chị H và anh M có trả gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng không đầy đủ.

Vì vậy đến ngày hôm nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị H, anh M phải trả cho Ngân hàng TMCP P tạm tính đến ngày 21/8/2024 tổng số tiền là 800.502.030 đ, trong đó tiền gốc là 748.607.100 đ và tiền lãi là 51.894.930 đ; Đồng thời buộc chị H, anh M phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh từ ngày 22/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ vay theo quy định tại hợp đồng. Nếu chị H và anh M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế, kể cả việc kê biên, phát mãi xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số ST23015973/2023/PBD/HĐTC ngày 13/7/2023 mà các bên đã ký kết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

theo quy định của pháp luật cho bị đơn là chị H và anh M, nhưng chị H và anh M đều vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn H1 trình bày: Ông là bố của anh Đỗ Văn M, ngày 13/7/2023 anh M và chị H đã ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP P để vay số tiền 800.000.000 đ trong 10 năm, lãi suất thế nào ông không biết, do vợ chồng anh M không có tài sản để thế chấp nên ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị Đ đã thế chấp tài sản của vợ chồng là thửa đất số 57, tờ bản đồ số 32, diện tích 469,7 m2 tại thôn V, xã X, huyện T để bảo đảm cho khoản vay của vợ chồng anh M. Sau khi giải ngân tiền, Ngân hàng đã không chuyển vào tài khoản của anh M và chị H mà lại chuyển vào tài khoản của chị Mai Thị H2 (vợ anh Đỗ Văn C) là con dâu của ông. Gia đình ông đã thống nhất, anh C phải trả số tiền trên, nên đề nghị Ngân hàng có gì liên hệ với anh C, để ông không phải làm việc với Tòa án, ông cũng đề nghị Tòa án báo đúng chủ vay nợ, còn ông không cần thông báo cũng được.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà là mẹ của anh Đỗ Văn M, ngày 13/7/2023 anh M và chị H đã ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP P để vay số tiền 800.000.000 đ trong 10 năm, lãi suất thế nào bà không biết, bà đề nghị Ngân hàng cho ai vay thì đòi người đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa vì lý do công vệc nên không thể tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm định tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn là anh Đỗ Văn M và chị Lê Thị H, cư trú tại thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên hòa hôm nay, bị đơn là anh Đỗ Văn M và chị Lê Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đại diện Viện kiểm sát vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và đại diện Viện kiểm sát.

[2] Xét Hợp đồng tín dụng số ST23015973/2023/PBD/HĐTD ngày 13/7/2023 và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng được Ngân hàng TMCP P và anh Đỗ Văn M, chị Lê Thị H tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng số ST23015973/2023/PBD/HĐTD ngày 13/7/2023 giữa Ngân hàng TMCP P và anh Đỗ Văn M, chị Lê Thị H có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay là

800.000.000 đ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng tính đến ngày 12/11/2023, anh M chị H mới trả được 20.001.004 đ tiền gốc và 21.794.025 đ tiền lãi. Số tiền gốc còn nợ lại là 779.998.996 đ và tiền lãi còn nợ là 14.583.195 đ. Như vậy, anh M và chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng nói trên và tại khoản 10 Điều 1 của khế ước nhận nợ số ST23015973/2023/PBD/KUNN ngày 14/7/2023 (khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng quy định: "trả nợ gốc, lãi và phí: thực hiện theo thỏa thuận tại khế ước nhận nợ..."; Khoản 10 Điều 1 khế ước nhận nợ quy định: a. Trả nợ lãi: Bên vay trả tiền lãi vay cho OCB định kỳ O tháng/lần vào ngày 10 của tháng theo dư nợ thực tế. Kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 10/8/2023; b. Trả nợ gốc: Bên vay trả nợ gốc cho OCB định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 01 của tháng, số tiền gốc trả đều mỗi kỳ là 6.667.000 đ, kỳ cuối trả dứt nợ vay. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/8/2023), nên việc từ ngày 12/11/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn là đúng với quy định. Sau khi chuyển sang dư nợ quá hạn Ngân hàng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ nhưng anh M, chị H vẫn không thanh toán đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký kết, do anh M, chị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nên việc Ngân hàng yêu cầu anh M, chị H phải trả số tiền còn nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P buộc anh M, chị H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 748.607.100 đ.

Về yêu cầu tính lãi: Theo Hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận lãi suất trong 03 tháng đầu là 11,3%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo quy định tại HĐTD và KUNN, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Xét thỏa thuận về lãi xuất của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến nay, anh M, chị H mới trả lãi cho Ngân hàng được số tiền 52.181.939 đ, do đó buộc anh M, chị H phải trả cho Ngân hàng tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử (21/8/2024) là 51.894.930 đ, trong đó lãi trong hạn là 46.505.930 đ và lãi quá hạn là 5.389.000 đ.

Tính đến ngày xét xử, tổng cộng cả gốc và lãi anh M, chị H phải trả cho N hàng là 800.502.030 đ.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc anh M và chị H phải thanh toán cho Ngân hàng dụng số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi ông M thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay:

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST23015973/2023/PBD/HĐTC ngày 13/7/2023 giữa Ngân hàng TMCP P và ông

Đỗ Văn H1, bà Nguyễn Thị Đ, bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số ST23015973/2023/PBD/HĐTD ngày 13/7/2023 là đúng theo quy định của pháp luật; nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024. Vì vậy, sau khi án có hiệu lực pháp luật, trong trường anh M, chị H không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5]. Về ý kiến của ông Đỗ Văn H1 yêu cầu anh Đỗ Văn C phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng vì tiền anh M, chị H vay của Ngân hàng đã chuyển vào tài khoản của vợ anh C là chị Mai Thị H2: Xét thấy, tại khế ước nhận nợ số ST23015973/2023/PBD/KUNN ngày 14/7/2023 khoản 9 Điều 1 thể hiện hình thức giải ngân số tiền 800.000.000 đ được chuyển vào tài khoản thụ hưởng số 0145100061989008 thuộc Ngân hàng O , phòng G, chị nhánh Thanh Hóa, chủ tài khoản là chị Mai Thị H2 (chị dâu anh M), với nội dung chuyển tiền: Thanh toán tiền mua hàng. Anh M và chị H đã đọc và đồng ý ký vào khế ước, nên thỏa thuận giữa anh M, chị H và Ngân hàng là tự nguyện và hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Dó đó ý kiến của ông H1 về việc buộc anh Đỗ Văn C phải có trách nhiệm trả nợ là không có căn cứ.

[6]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là anh M và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 232; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117; Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP P,

Buộc anh Đỗ Văn M và chị Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tính đến ngày xét xử (21/8/2024) là 800.502.030 đ *(tám trăm triệu năm trăm linh hai nghìn không trăm ba mươi đồng)*, trong đó: Tiền gốc là 748.607.100 đ (*bảy trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm linh bảy nghìn một trăm đồng*) và tiền lãi là 51.894.930 đ (*năm mươi mốt triệu tám trăm chín mươi tư nghìn chín trăm ba mươi đồng*), trong đó lãi trong hạn là 46.505.930 đ (*bốn mươi sáu triệu năm trăm*

linh năm nghìn chín trăm ba mươi đồng) và lãi quá hạn là 5.389.000 đ (*năm triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Đỗ Văn M và chị Lê Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số ST23015973/2023/PBD/HĐTD ngày 13/7/2023.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu anh M, chị H không trả được số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST23015973/2023/PBD/HĐTC ngày 13/7/2023, gồm Quyền sử dụng và tài các sản gắn liền với đất tại thửa số 507, tờ bản đồ số 32, GCNQSDĐ số CE 912555, vào sổ cấp GCN số CH 01248 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/12/2016, thuộc quyền sở hữu của ông Đỗ Văn H1 và bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về án phí: Anh Đỗ Văn M và chị Lê Thi H3 phải chịu 36.015.000 đ (*ba mươi sáu triệu không trăm mười lăm nghìn đồng*)*tiền án phí dân sự sơ thẩm*.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.850.000 đ (*mười chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004973 ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDhuyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Ngọc Công